TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Yến Lan

Ông Đặng Công Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Hà, Thư ký Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76A/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Phương T; sinh năm 1984; cư trú tại: đường Đ, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lương Văn N; sinh năm 1984; cư trú tại: C, B, Vương quốc Anh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Văn N kết hôn ngày 31-5-2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ 234/85 đường Đỗ Bá, phường M; đến tháng 8/2016, vợ chồng cùng sang Vương Quốc Anh học tập và sinh sống; sau đó, bà về Việt Nam còn ông N ở lại

Anh, làm việc tại trường đại học A, thành phố B. Đến ngày 14-8-2022, thì xảy ra mâu thuẫn không giải quyết hòa giải được, nên không còn quan tâm, thương yêu nhau và tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà thấy hôn nhân của bà và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông N.

- Về con: Bà và ông Lương Văn N có hai con chung tên Lương Hoàng Phương R; sinh ngày 18-10-2014 và Lương Hoàng C; sinh ngày 10-5-2018. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 14-02-2023, bị đơn ông Lương Văn N đã gửi văn bản trình bày ý kiến phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T. Theo đó, ông cũng xác định do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, không cùng quan điểm và không còn yêu thương nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng có nguyện vọng được ly hôn. Về con chung, ông đồng ý giao hai con tên Lương Hoàng Phương R; sinh ngày 18-10-2014 và Lương Hoàng C; sinh ngày 10-5-2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thì ông xác nhận không có. Ngoài ra, ông N còn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông và rút ngắn thời gian giải quyết vụ án do không thể về Việt Nam.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T, hiện nay cư trú tại đường Đ, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Lương Văn N, có quốc tịch Việt Nam và địa chỉ cư trú tại C, B, Vương quốc Anh, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Lương Văn N, theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, ông N đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ. Theo đó, ông N xác định là không thể về Việt Nam để tham dự giải quyết việc ly hôn với bà T; đồng thời đề nghị Tòa án mở phiên tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn cho ông và bà T, do đó Tòa án không mở phiên họp hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông N, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Lương Văn N của bà Hoàng Thị Phương T thì thấy, cả bà T và ông N đều xác nhận là từ ngày 14-8-2022 thì giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và không thể hòa giải nên từ đó hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn ông N của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông N có hai con chung tên Lương Hoàng Phương R, sinh ngày 18-10-2014 và Lương Hoàng C, sinh ngày 10-5-2018. Ly hôn, cả bà T và ông N đều có nguyện vọng giao cả 02 con cho bà T trực tiếp nuôi và ông N không phải cấp dưỡng cho con. Do đó, Hội đồng xét xử giao cả hai con cho bà T trực tiếp nuôi và không buộc ông N cấp dưỡng cho con, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung; nợ chung: Bà T và ông N không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn bà T phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 464, Điều 469 và Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Hoàng Thị Phương T đối với ông Lương Văn N,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị Phương T được ly hôn với ông Lương Văn N.

2. Về con: Giao hai con chung tên Lương Hoàng Phương R, sinh ngày 18-10-2014 và Lương Hoàng C, sinh ngày 10-5-2018 cho bà Hoàng Thị Phương T trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, ông N và bà T có các quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005150 ngày 21-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Phương T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Lương Văn N không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Hà Nam